

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2021/HS-ST

Ngày 15/9/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Quyết Tiến

2. Bà Nguyễn Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: ông Vũ Văn Thuận - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2021/TLST-HS ngày 23/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2021/QĐXXST- HS ngày 01/9/2021 đối với bị cáo:

Tráng Văn Đ sinh ngày 01/01/1992, tại huyện H, tỉnh H; nơi thường trú: thôn B, xã B, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 9/12; con ông Tráng Văn N, sinh năm 1955 (đã chết) và bà Lý Thị S, sinh năm 1950; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2021, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông Nguyễn Văn Lượng, Trợ giúp viên Pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp Pháp lý Nhà Nước tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Bị hại: ông Vương Tú M, sinh năm 1971 (đã chết).

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: ông Vương Thanh H, sinh năm 1963 (là anh ruột của bị hại); địa chỉ: thôn B, xã B, huyện H, tỉnh H; có mặt

- Người làm chứng: Anh Lý Trọng C, bà Tráng Thị B, đều có mặt

- Người phiên dịch tiếng dao: Ông Đặng Văn Hún, trú tại thôn Sơn Hà, xã Ngọc Đường, thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ ngày 25/4/2021, sau khi đã uống rượu tại nhà anh Lý Văn P, trú tại thôn B, xã B, huyện H, tỉnh H cùng với anh Lý Trọng C, trú tại thôn T, xã B, huyện H, tỉnh H, Tráng Văn Đ, sinh ngày 01/01/1992 (trú cùng thôn với anh P) nghĩ đến việc vào tháng 3/2021 bà Lý Thị S (là mẹ đẻ của Tráng Văn Đ) cùng với Vương Tú M (là anh rể của Tráng Văn Đ) và Tráng Thị B (là chị gái của Tráng Văn Đ, là vợ của bị hại M) đi phát cỏ thuê cho ông Lý Văn Đ, ông Đ1 đã trực tiếp trả cho Vương Tú M tiền công của 03 người với số tiền 300.000 đồng. Nhưng Vương Tú M không trả phần tiền công 100.000 đồng cho bà S, nên Tráng Văn Đ nảy sinh ý định đến nhà Vương Tú M để đòi tiền công cho mẹ mình, Tráng Văn Đ đã rủ anh C đi cùng sang nhà Vương Tú M chơi, C đồng ý. Trước khi đi, Tráng Văn Đ xin P 01 chai rượu (loại chai 1,5 lít, bên trong còn khoảng 500ml rượu) rồi mang theo. Khi đến nơi, Tráng Văn Đ và anh C nhìn thấy Vương Tú M và bà B đang ở nhà, nên Tráng Văn Đ và C vào nhà ngồi chơi, nói chuyện với vợ chồng Vương Tú M tại vị trí bàn uống nước kê ở gian giữa nhà gần bếp lửa. Khi ngồi nói chuyện, Vương Tú M ngồi quay mặt ra hướng cửa chính, Tráng Văn Đ ngồi đối diện Vương Tú M, C ngồi phía bên tay phải Tráng Văn Đ, tiếp đến là B ngồi gần bếp lửa. Tráng Văn Đ hỏi Vương Tú M lý do tại sao không đưa tiền công cho bà S (là mẹ), Vương Tú M nói “*không có tiền lẻ*”, dẫn đến Tráng Văn Đ và Vương Tú M có lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau, Tráng Văn Đ bức tức về việc Vương Tú M lấy lý do không có tiền lẻ để trả cho bà S, nên đã dùng tay trái cầm chai nhựa đựng rượu đập liên tiếp 03 phát xuống sàn nhà. Vương Tú M thấy vậy nói “*sao phải làm thế, có mỗi tí tiền mà phải làm thế à?*” rồi lấy từ túi áo ngực của Vương Tú M ra 02 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng, đặt xuống sàn nhà, trước mặt Tráng Văn Đ, Tráng Văn Đ không cầm tiền, mà tiếp tục cãi nhau với Vương Tú M, *thấy Vương Tú M cầm ống điều hút thuốc Lào, Tráng Văn Đ liền dùng hai tay cầm chiếc xô nhựa hình trụ, đường kính đáy 26,5cm, đường kính miệng 27cm, ném về phía Vương Tú M nhưng không trúng. Ngay lập tức, Vương Tú M liền đứng dậy, tay phải cầm ống điều bằng cây trúc dài 57cm, đường kính 4,9cm, dày 0,5cm, nõ điều dài 15cm vung lên đập 01 phát theo hướng ngang từ phải qua trái trúng vào thái dương đỉnh trái của Tráng Văn Đ làm Tráng Văn Đ ngã ngửa ra sàn nhà, Tráng Văn Đ bị choáng và sờ tay lên thái dương thấy máu chảy nhiều, Tráng Văn Đ liền nhào người đứng dậy về phía bàn gỗ, dùng tay phải cầm vào chuôi dao nhọn dài 26,2cm, lưỡi dao rộng 2,2cm, chuôi gỗ hình trụ tròn, đường kính 2,5cm, dài 11cm cắm trong ống tre gắn ở mép bàn uống nước nhà Vương Tú M, rút dao ra khỏi ống tre, bà B thấy vậy đi ra phía sau lưng Tráng Văn Đ, dùng tay phải túm vào khuỷu tay phải Tráng Văn Đ để can ngăn không cho Tráng Văn Đ đánh Vương Tú M, Tráng Văn Đ giằng co, kéo bà B về phía vị trí Vương Tú M đứng, khi cách Vương Tú M khoảng 50 cm, Tráng Văn Đ dùng hai tay đẩy mạnh vào ngực Vương Tú M làm Vương Tú M **ngã ngửa** ra sàn nhà gần bếp lửa, tiếp đến Tráng Văn Đ giằng tay mình ra khỏi tay bà B, đồng thời ngồi xổm lên bụng Vương Tú M, *Tráng Văn Đ dùng tay phải cầm dao theo hướng mũi dao hướng xuống sàn, chuôi dao hướng lên trên vung lên đâm liên tiếp 02 phát đâm theo hướng từ trên xuống dưới, từ trái qua phải và từ phải qua trái về phía vùng đầu Vương Tú M và 01 phát theo hướng từ trên xuống dưới, chéch chéo từ phải qua trái trúng vùng dưới xương đòn trái của Vương Tú M.**

Sau khi bị đâm Vương Tú M đứng dậy, đi ra ngồi ở vị trí ban đầu, gần bàn uống nước, anh C cũng đứng dậy đi ra khỏi nhà đứng phía ngoài cửa chính, bà B kéo Tráng Văn Đ đứng dậy lùi về phía sau, cách cửa chính khoảng 80cm và giật con dao từ tay Tráng Văn Đ ra, gài con dao lên vách nhà, sát mép bên phải của chính nhà mình (*tính theo hướng từ trong ra ngoài*) rồi bảo Tráng Văn Đ đi ra ngoài.

Khi Tráng Văn Đ ra ngoài, anh C thấy Tráng Văn Đ bị chảy nhiều máu ở vùng đầu nên dìu Tráng Văn Đ đi ra chuồng trâu cách nhà Vương Tú M khoảng 50 mét, lấy lá cây đắp cho Tráng Văn Đ. Sau đó cả hai quay lại nhà Vương Tú M thì thấy Vương Tú M đã tử vong trong tư thế nằm ngửa trên sàn nhà.

Tại Kết luận giám định pháp y tử thi số 208 ngày 06/5/2021 (bút lục 145, 146) của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, đã ghi nhận các kết quả chính “*Trên thân thể Vương Tú M vùng đỉnh đầu bên phải, cách đỉnh vành tai phải 7cm có vết thương hình khe, bờ mép sắc gọn; vùng mồm cùng vai trái có vết rách da, bờ mép sắc gọn, sâu chưa đến lớp cơ, tiếp ra phía trước sang phải 5cm có vết xây sát da dạng vạch đi thẳng vào vết thương ở vùng dưới đòn trái; vết thương vùng dưới đòn trái nằm hơi chếch từ trên xuống dưới, từ trái qua phải, dùng que thăm, đo được sâu vào lồng ngực phải 16 cm, mép bên phải phẳng, mép bên trái đầu phía trên tạo thành vết rách da, dài 1,3cm, ngắt quãng bằng khoảng da trống nổi thẳng với vết xây sát da dạng vạch, đầu phải trên của vết thương dưới đòn trái tạo thành vết rách da dài 0,5cm ngắt quãng bằng khoảng da trống, nối thông với vết xây sát da dạng vạch, 02 vết xây sát da dạng vạch cách nhau 1cm, chiều hướng của các vết thương từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.*

Khoang ngực trái tràn ngập máu; vết thương dưới đòn trái làm thủng trung thất, vùng trung thất bầm tụ máu, thủng nhu mô thùy trên phổi phải.

Kết luận: 1. Nguyên nhân chết của Vương Tú M: Vết thương thấu ngực, thủng trung thất và phổi

2. Cơ chế hình thành thương tích trên thân thể Vương Tú M: Các vết thương trên cơ thể Vương Tú M do vật sắc nhọn gây ra”

Tại Kết luận giám định số 3686 ngày 03/6/2021 (bút lục 161,162) của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

1. Trên phần lưỡi dao (ký hiệu A10 có bầm dính máu người và là máu của Vương Tú M

2. Trên phần chuôi của con dao (ký hiệu A1) và trên chiếc áo (ký hiệu A2) có bầm dính máu người và là máu của Tráng Văn Đ.

3. Dấu vết màu nâu đỏ ghi thu tại vị trí số 12 (ký hiệu A3) là máu người và là máu của Tráng Văn Đ”

Tại biên bản xem xét dấu vết trên thân thể hồi 08 giờ 25 phút ngày 26/4/2021 tại Bệnh viện đa khoa khu vực huyện H, tỉnh H (bút lục 09) đã ghi nhận kết quả xem xét dấu vết trên thân thể Tráng Văn Đ: *Tại vùng thái dương đỉnh trái có vết thương rách da, sâu sát xương, bờ mép nhám nhở, kích thước 02 x 02 cm; tại phía dưới mặt trước đầu gối phải có vết xây xước da kích thước 02 x 02 cm.* Tráng Văn Đ xác nhận: Thương tích ở đầu gối phải là do quá trình vật lộn, đánh nhau với M,

còn thương tích tại vùng thái dương đỉnh trái của tôi là do bị Vương Tú M dùng ống điều đánh vào tôi ngày 25/4/2021 tại nhà Vương Tú M”.

Tại bản Cáo trạng số 37/CT-VKS-P2 ngày 20 tháng 7 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Tráng Văn Đ về tội “Giết người”, theo quy định tại khoản 2 Điều 123 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang sau khi phân tích tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Tráng Văn Đ phạm tội “Giết người”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tráng Văn Đ từ 7 đến 8 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 25/4/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 591 BLDS; Điều 48 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người đại diện gia đình bị **hại và** buộc bị cáo Tráng Văn Đ phải bồi thường cho bị hại tiền chi phí mai táng; tổn thất về tinh thần; cấp dưỡng nuôi cháu Vương Văn Q (con của bị hại) hàng tháng kể từ thời điểm ông Vương Tú M chết đến khi cháu đủ 18 tuổi.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy toàn bộ số vật chứng không còn giá trị sử dụng có liên quan đến tội phạm gồm: 01 hộp bìa cát tông được niêm phong bằng các dải giấy màu trắng, bên ngoài có ghi “Mẫu vật hoàn trả sau giám định là 01 ống điều bằng cây trúc”; 01 hộp bìa cát tông được niêm phong bằng các dải giấy màu trắng, bên ngoài có ghi “chai nhựa màu xanh và chai nhựa màu trắng”; 01 phong bì niêm phong; 01 phần xô nhựa màu cam; 01 áo phông cộc tay, màu đen; 01 chiếc quần soóc, loại quần chun, màu nâu; các chất màu nâu đỏ thu tại vị trí số 01, 05, 06, 07, 11.

5. Về án phí: Bị cáo Tráng Văn Đ là người dân tộc thiểu số sống ở vùng sâu vùng xa, vùng kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, có thu nhập thấp, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, bị cáo có đơn xin miễn án phí, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí cấp dưỡng cho bị cáo Đ.

Ý kiến của bị cáo: Do bị hại có hành vi dùng ống điều đánh vào đầu bị cáo, nên bị cáo đã ức chế không làm chủ được bản thân đã dùng dao đâm bị hại. Bị cáo rất hối hận về hành vi của mình, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội giết người là đúng người, đúng tội. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với bản cáo trạng cũng như kết luận của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, truy tố bị cáo Tráng Văn Đ về tội danh và điều luật là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ hình phạt: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế

- Xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế; hành vi phạm tội của bị cáo cũng một phần do lỗi của bị hại, bị hại dùng ống điều đánh vào đầu bị cáo làm chảy máu, dẫn đến bị cáo bị ức chế về tinh thần nên đã có hành vi dùng dao đâm bị hại. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tráng Văn Đ với mức thấp nhất của hình phạt. **Về trách nhiệm dân sự**, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh kinh tế của bị cáo rất khó khăn, với số tiền theo yêu cầu của gia đình bị hại là quá khả năng của bị cáo. **Về án phí**, đề nghị miễn toàn bộ án phí cho bị cáo, vì bị cáo là người dân tộc, hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn, sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, bị cáo có đơn xin miễn án phí.

Ý kiến của người đại diện hợp pháp cho bị hại: Nhất trí với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật và buộc bị cáo phải bồi thường 50.000.000đ tiền mai táng phí; 70.000.000đ tiền tổn thất về tinh thần và phải cấp dưỡng nuôi cháu Vương Văn Q sinh ngày 28/3/2007 (con của bị hại) theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên và người bào chữa đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục và đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, không có khiếu nại tố cáo nên đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa bị cáo Tráng Văn Đ thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. Bị cáo khai nhận: Do Vương Tú M đã nhận 100.000 đồng tiền công đi làm thuê của bà Lý Thị S (mẹ đẻ bị cáo và là mẹ vợ của M), nhưng không trả cho bà S, nên đến khoảng 20 giờ ngày 25/4/2021 bị cáo đến nhà M để đòi tiền cho mẹ mình, dẫn đến giữa Vương Tú M và bị cáo xảy ra cãi chửi nhau, bị cáo có dùng xô nhựa ném về phía M nhưng không trúng, thấy vậy Vương Tú M cầm ống điều bằng cây trúc dài 57cm, đường kính 4,9cm, dày 0,5cm vung lên đập 01 phát theo hướng ngang từ phải qua trái trúng vào thái dương đỉnh trái của bị cáo làm bị cáo bị thương rách da sâu sát xương tại vùng thái dương đỉnh trái kích thước 02 x 02 cm, Thấy vậy, bị cáo liền dùng tay phải cầm dao nhọn dài 26,2cm, lưỡi dao rộng 2,2cm, chuôi gỗ hình trụ tròn, đường kính 2,5cm, dài 11cm để ở gần đó và dùng tay trái đẩy Vương Tú M ngã ngửa, đồng thời bị cáo ngồi xổm lên bụng Vương Tú M rồi tay cầm con dao vung lên đâm liên tiếp 02 phát theo hướng từ trên xuống dưới, từ trái qua phải và từ phải qua trái về phía vùng đầu Vương Tú M và 01 phát theo hướng từ trên xuống dưới, chéch chéo từ phải qua trái trúng vùng dưới xương đòn trái của Vương Tú M, hậu quả làm Vương Tú M tử vong sau đó. Tại bản Kết luận giám định pháp y tử thi số 208 ngày 06/5/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, đã xác định: *Nguyên nhân chết của Vương Tú M: Vết thương thấu ngực, thủng trung thất và phổi; Cơ chế hình thành thương tích trên thân thể Vương Tú M: Các vết thương trên cơ thể Vương Tú M do vật sắt nhọn gây ra*". **Lời khai nhận của bị**

cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các lời khai của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác như: Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, bản ảnh thực nghiệm điều tra, biên bản nhận dạng, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử, xét thấy hành vi của bị cáo Tráng Văn Đ đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người”, được quy định tại khoản 2 Điều 123 của BLHS.

[3]. Về hình phạt: Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nên bị cáo phải nhận thức được rằng việc dùng dao nhọn đâm vào đầu và dưới xương đòn trái là vùng trọng yếu của bị hại có thể dẫn đến chết người. Sức khỏe, tính mạng của con người là vốn Q được pháp luật bảo vệ, nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm sức khỏe, tính mạng nếu vi phạm sẽ bị xử lý nghiêm minh trước pháp luật. Chỉ vì mâu thuẫn cá nhân, nên xảy ra xô sát, khi thấy bị hại dùng hung khí đánh vào đầu bị cáo làm chảy máu, do bức tức trước hành vi trái pháp luật của bị hại, bị cáo đã không làm chủ được bản thân, nên đã dùng dao **là hung khí nguy hiểm** nhằm tước đoạt tính mạng của bị hại trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật, bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy xét thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi thực hiện tội phạm cũng như hậu quả mà bị cáo đã gây ra, theo quy định của khoản 2 Điều 123 Bộ luật Hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo bị trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và gia đình, đồng thời để răn đe và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Về tình tiết tăng nặng: Không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà phấn đấu cải tạo tốt trở thành công dân có ích cho xã hội.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Ngày 04/5/2021 ông Vương Văn H (đại diện hợp pháp của bị hại) có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường, tổng số tiền là 50.000.000đ gồm: Chi phí mai táng 10.000.000đ, bồi thường tổn thất về tinh thần 40.000.000đ. Ngày 01/8/2021 đại diện hợp pháp của bị hại tiếp tục có đơn yêu cầu bị cáo bồi thường tổng thiệt hại số tiền là 120.000.000đ, trong đó chi phí mai táng là 50.000.000đ, còn lại trong đơn không nêu được cụ thể, chi tiết từng khoản tiền cụ thể. Tại phiên tòa ông Vương Văn H (đại diện hợp pháp của bị hại) yêu cầu bị cáo bồi thường tổng thiệt hại số tiền là 120.000.000đ gồm: Tiền mai táng phí 50.000.000đ; tiền tổn thất về tinh thần 70.000.000đ và yêu cầu bị cáo phải cấp dưỡng nuôi cháu Vương Văn Q sinh ngày 28/3/2007 (là con của bị hại) theo quy định của pháp luật.

[7]. Hội đồng xét xử xét thấy người đại diện hợp pháp của bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường là chính đáng đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên tại phiên toà người đại diện hợp pháp của bị hại không chứng minh được các khoản chi phí cụ thể. Do đó, căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 591 Bộ luật Dân sự, vận dụng hướng dẫn tại Mục 2 phần II của Nghị quyết số 02/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận một phần yêu cầu của người đại diện hợp pháp của bị hại và buộc bị cáo Tráng Văn Đ phải bồi thường cho gia đình bị hại các khoản sau:

[8] Buộc bị cáo Tráng Văn Đ phải bồi thường khoản tiền chi phí hợp lý cho việc mai táng cho gia đình bị hại số tiền là 40.000.000 đồng (bao gồm các khoản tiền mua quan tài, các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe và các khoản chi phí hợp lý khác...).

[9] Về khoản tiền bồi thường bù đắp tổn thất về tinh thần: Buộc bị cáo Tráng Văn Đ phải bồi thường một khoản tiền nhất định để bù đắp tổn thất về tinh thần cho gia đình bị hại với mức là 50 tháng lương cơ sở, $50 \times 1.490.000$ đồng/tháng lương = 72.950.000 đồng.

[10] Về khoản tiền cấp dưỡng: Xét thấy cháu Vương Văn Q sinh ngày 28/3/2007 (là con của bị hại) còn nhỏ, do vậy cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Q với số tiền tương ứng 50% một tháng lương cơ sở là 750.000đ/tháng, kể từ khi bị hại chết (ngày 25/4/2021) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[11] Như vậy, bị cáo Tráng Văn Đ phải bồi thường khoản tiền chi phí mai táng và bù đắp tổn thất về tinh thần cho gia đình bị hại là 112.950.000 đồng. Tiền cấp dưỡng nuôi cháu Q số tiền 750.000đ/tháng, kể từ khi bị hại chết (ngày 25/4/2021) cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[12]. Giao khoản tiền bồi thường là 112.950.000đ cho người đại diện hợp pháp của bị hại ông Vương Thanh H (anh của bị hại) nhận và giao số tiền 750.000đ/tháng tiền cấp dưỡng nuôi cháu Vương Văn Q cho bà Tráng Thị B (Vợ của bị hại M) nhận.

[13]. Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra đã tạm giữ 01 hộp bìa cát tông được niêm phong bằng các dải giấy màu trắng, bên ngoài có ghi “Mẫu vật hoàn trả sau giám định là 01 ống điều bằng cây trúc”; 01 hộp bìa cát tông được niêm phong bằng các dải giấy màu trắng, bên ngoài có ghi “chai nhựa màu xanh và chai nhựa màu trắng”; 01 phong bì niêm phong; 01 phân xô nhựa màu cam; 01 áo phông cộc tay, màu đen; 01 chiếc quần soóc, loại quần chun, màu nâu; các chất màu nâu đỏ thu tại vị trí số 01, 05, 06, 07, 11. Xét thấy toàn bộ số vật chứng không còn giá trị sử dụng cần áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy toàn bộ.

[14]. Về án phí: Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo và bị cáo đều đề nghị xem xét miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí cấp dưỡng cho bị cáo, vì bị cáo là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn thuộc diện hộ nghèo, sống ở vùng sâu, vùng xa, vùng kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo có đơn xin miễn án phí. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 136 BLTTHS; điểm đ

khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát, người bào chữa cho bị cáo và ý kiến của bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật cần được chấp nhận.

[15]. Quyền kháng cáo: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Tráng Văn Đ phạm tội “Giết người”.

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tráng Văn Đ 9 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ (ngày **25/4/2021**).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ cáo Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 591 Bộ luật Dân sự BLDS; Điều 48 BLHS, buộc bị cáo Tráng Văn Đ phải bồi thường 40.000.000đ tiền chi phí mai táng, 72.950.000đ tiền bù đắp tổn thất về tinh thần cho gia đình bị hại, tổng số tiền bị cáo Đ phải bồi thường là 112.950.000 đồng và phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Vương Văn Q sinh ngày 28/3/2007 số tiền 750.000đ/tháng kể từ khi bị hại chết (ngày 25/4/2021) cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi. Số tiền bồi thường 112.950.000 đồng giao cho người đại diện hợp pháp của bị hại ông Vương Thanh H (anh của bị hại), địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện H, tỉnh H, nhận. Giao tiền 750.000đ/tháng tiền cấp dưỡng nuôi cháu Vương Văn Q cho **bà Tráng Thị B (Vợ của bị hại M); địa chỉ: thôn B, xã B, huyện H, tỉnh H, nhận.** Trong trường hợp có xảy ra tranh chấp về việc quản lý, chi tiêu khoản tiền bồi thường thì các bên có quyền khởi đến Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 hộp bìa cát tông được niêm phong bằng các dải giấy màu trắng, bên ngoài có ghi “Mẫu vật hoàn trả sau giám định là 01 ống điều bằng cây trúc”; 01 hộp bìa cát tông được niêm phong bằng các dải giấy màu trắng, bên ngoài có ghi “chai nhựa màu xanh và chai nhựa màu trắng”; 01 phong bì niêm phong; 01 phân xô nhựa màu cam; 01 áo phông cộc tay, màu đen; 01 chiếc quần soóc, loại quần chun, màu nâu; các chất màu nâu đỏ thu tại vị trí số 01, 05, 06, 07, 11.

(Tình trạng và đặc điểm vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/7/2021 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang).

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch và án phí cấp dưỡng cho bị cáo Tráng Văn Đ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- PC01; PC 02; PV06 Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục Thi Hành án;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã N, huyện V;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Tiến